

Bản án số: 06/2020/HS-ST  
Ngày: 17/01/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Qui

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Đỗ Thị Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:* ông Phan Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2019/HSST ngày 24 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Anh T**; tên gọi khác: T; sinh năm: 1994; tại: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT: Xóm A, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964, cả hai hiện cư trú: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; vợ Lưu Thị Mỹ L, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2017, hiện cư trú: Thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2019 đến nay (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Anh K'S, sinh năm 2001; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; (Đơn xin vắng mặt)

2. Anh Trần Hoàng M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm A, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Đơn xin vắng mặt)

3. Anh Phan Văn T1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1996; nơi cư trú: đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt);

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; nơi cư trú: đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn K, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt);

2. Chị Lưu Thị Mỹ L, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt);

3. Anh Trần Phạm Trọng T2, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt)

4. Anh Trần Quang T3, sinh năm 1982; nơi cư trú: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/08/2019, Bùi Anh T đã thực hiện 03 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại địa bàn Tp.B. Nội dung cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 16 giờ ngày 09/04/2019, Bùi Anh T cùng vợ là chị Lưu Thị Mỹ L đến nhà anh Nguyễn Quang H chơi thì gặp anh K'S. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh H và T mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 49G1-18XXX của anh S để đi mua thuốc lá. Khi đi đến tiệm tạp hóa tại đường Quốc lộ A, xã L thì anh H đi vào mua thuốc lá còn T ngồi ngoài xe mô tô thì nảy sinh ý định mang xe đi cầm cố nên T nói với H điều khiển xe đi công việc nhưng T đã đưa xe mô tô của anh S đến phường L, Tp.B cầm cố cho Nguyễn Văn C lấy 3.500.000 đồng chơi game. Đến tối cùng ngày, T nói dối với anh S về việc xe mô tô của anh S đã bị Công an tạm giữ. Sau khi nhận cầm cố xe mô tô của T nhưng không thấy T chuộc lại nên C đã bán xe cho người khác (không rõ lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 118 của Hội đồng định giá Tp.B xác định: xe mô tô mà Bùi Anh T chiếm đoạt của anh K'S trị giá 10.000.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình Bùi Anh T đã giao cho C 3.500.000 đồng để chuộc lại xe mô tô của anh K'S. Nguyễn Văn C đồng ý bồi thường 10.000.000 đồng là giá trị xe mô tô biển số 49G1-18XXX (không thu hồi được) cho anh K'S nhưng hiện nay C chưa bồi thường.

**Vụ thứ hai:** Vào chiều ngày 18/04/2019, Bùi Anh T cùng vợ là chị Lưu Thị Mỹ L đến nhà anh Trần Hoàng M chơi. Đến 21 giờ cùng ngày, anh M giao xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvou biển số 49K1-12XXX cho T đi mua thuốc lá. Sau đó, T đi đến phòng trọ của Trần Phạm Trọng T2, chở T2 đi mua thuốc lá. Trên đường đi, T nảy sinh ý định mang xe mô tô của M đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên chở T2 đến

phường L, Tp.B cầm cố cho Nguyễn Văn C được 3.600.000 đồng tiêu xài. Sau khi sự việc xảy ra gia đình Bùi Anh đã chuộc xe mô tô biển số 49K1-12XXX trả lại cho anh M nên anh M không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 69 ngày 25/06/2019 của Hội đồng định giá Tp.B xác định: xe mô tô mà Bùi Anh T chiếm đoạt của anh Trần Hoàng M trị giá 13.600.000 đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/08/2019, Bùi Anh T và anh Phan Văn T1 đến tiệm game bắn cá gần ngã ba Đ, phường L, Tp.B chơi. Quá trình chơi game, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 49K1-39XXX của anh T1 để đi công việc thì T1 đồng ý. Sau đó T quay lại để chìa khóa trên bàn bắn cá mà chưa bàn giao xe cho T1. Lúc này, anh T1 đi vệ sinh thì Trần Quang T3 đến quán Game thì gặp T đòi nợ nhưng T không có tiền trả. T3 thấy có chìa khóa xe ở trên bàn cạnh vị trí T nên lấy chìa khóa điều khiển xe mô tô của anh T1 chở T đến nhà Nguyễn Văn S yêu cầu T trả nợ. Tại đây, T đã cầm cố xe mô tô của anh T1 cho S lấy 10.000.000 đồng. T trả nợ cho T3 số tiền 6.000.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy T chuộc xe anh S đã bán xe của anh T1 cho người khác không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 133 ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá Tp.B xác định: xe mô tô mà Bùi Anh T chiếm đoạt của anh Phan Văn T1 trị giá 29.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại T1, anh T1 không yêu cầu gì. Anh S yêu cầu anh Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 10.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Bùi Anh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Anh T thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận trong thời gian từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/08/2019 bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của anh K’S, anh M, anh T1 đã thực hiện hành vi chiếm đoạt 03 xe mô tô tổng trị giá 52.600.000đ với hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề nghị xử phạt bị cáo từ 42 đến 48 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc anh Nguyễn Văn C bồi thường cho anh K’S số tiền 10.000.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố B; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/04/2019 đến ngày 10/08/2019, Bùi Anh T lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo Bùi Anh T có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 49G1-18XXX của anh K'S trị giá 10.000.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvou, biển số 49K1-12XXX của anh Trần Hoàng M trị giá 13.600.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 49K1-39XXX của anh Phan Văn T trị giá 29.000.000 đồng tại địa bàn Tp.B, gây thiệt hại về tài sản cho các bị hại với tổng trị giá là 52.600.000 đồng, để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu lời khai của bị cáo T; lời khai của bị hại và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo tội danh, điều khoản Bộ luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi do bị cáo T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, hành vi trên không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương; cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp 03 lần nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa anh T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì vậy cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm, Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh K'S yêu cầu anh Nguyễn Văn C bồi thường 10.000.000đ; tại phiên tòa hôm nay anh C đồng ý bồi thường cho anh K'S, cần buộc anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm bồi thường anh K'S số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[5] Đối với Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn S là người và nhận cầm cố tài sản từ Bùi Anh T, tuy nhiên tại thời điểm nhận cầm cố các tài sản nêu trên, anh C và anh S không biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Trần Phạm Trọng T2 là người đã cùng đi cầm cố tài sản với Bùi Anh T, tuy nhiên Trần Phạm Trọng T2 không biết nguồn gốc tài sản do T cầm cố, không bàn bạc giúp sức cho T thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm hình sự Trần Phạm Trọng T2 trong vụ án.

Đối với Trần Quang T3 là người đã điều khiển xe mô tô của anh Phan Văn T1 chở Bùi Anh T đến nhà của Nguyễn Văn S nhằm mục đích đòi nợ. Bản thân T3 không tham gia thực hiện hành vi cầm cố tài sản của anh T1, việc cầm cố xe mô tô của anh T1 do bị can T quyết định thực hiện nên không xem xét trách nhiệm hình sự của T3n trong vụ án.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, buộc anh Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Anh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Bùi Anh T 42 (Bốn mươi hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2019

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự

Buộc anh Nguyễn Văn C có trách nhiệm bồi thường cho anh K’S số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

*“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự”.*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án. Buộc bị cáo Bùi Anh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Văn C phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKS nhân dân thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ CATP B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Trần Thị Qui.**